

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/9/2021

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Bộ và ông Bùi Đức Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Phí Văn T, sinh năm 1991.

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(*Nguyên đơn đề nghị xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Phí Văn T trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương vào tháng 11/2014. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh tại xã B, huyện K. Anh và chị N chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị N sống a dua với bạn bè chơi bời, mua sắm cho cá nhân; không quan tâm gì đến gia đình. Anh và gia đình đã khuyên bảo chị N rất nhiều lần, nhưng chị N không nghe và không thay đổi; mâu thuẫn vợ chồng từ đó ngày càng phát sinh trầm trọng. Đến đầu năm 2018 thì chị N tự ý bỏ chồng con, bỏ nhà đi; bản thân anh cùng gia đình cũng như gia đình bố mẹ đẻ chị N không biết chị N đi đâu, anh cùng gia đình đã áp

dụng mọi biện pháp tìm kiếm trong thời gian dài nhưng hoàn toàn không có tin tức gì của chị N. Đến tháng 10/2020 anh làm đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Kim Thành tuyên bố chị N mất tích, tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 19/3/2021, Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã tuyên bố chị N mất tích. Do chị N đã biệt tích, đến nay không trở về gia đình nên anh yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân thì anh và chị N có 01 con chung là cháu Phí Hạo N, sinh ngày 28/9/2015. Từ khi chị N bỏ đi thì anh vẫn là người trực tiếp nuôi con tại gia đình bố mẹ đẻ ở xã B, huyện K; anh và con được bố mẹ đẻ tạo điều kiện về chỗ ở cũng như hỗ trợ anh trong việc trông nom, chăm sóc nên đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Trong thời kỳ hôn nhân thì anh và chị N không có tài sản chung, nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 19/3/2021, Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã tuyên bố chị N mất tích. Quá tR giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với Bị đơn theo quy định của pháp luật.

Quá tR giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- *Xác minh tại UBND và Công an xã B, huyện K:*

Chị Nguyễn Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương; Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã tuyên bố chị N mất tích vào ngày 19/3/2021; từ đó cho đến nay chị N vẫn chưa về địa phương sinh sống.

Anh T và chị N đăng ký kết tại UBND xã B, huyện K vào ngày 20/11/2014. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên chị N đã bỏ đi từ năm 2017, đến năm 2021 thì Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tuyên bố chị N mất tích.

- Bà Đồng Thị H (mẹ đẻ anh T) khai: Vợ chồng anh T, chị N trong quá tR chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và chị N đàn đúm với bạn bè xấu, không quan tâm đến gia đình. Gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị N không thay đổi. Đến năm 2017 chị N bỏ đi, gia đình đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm thời gian dài nhưng không có tin tức gì; đến năm 2021 thì Toà án nhân dân huyện Kim Thành đã có quyết định tuyên bố chị N mất tích.

Vợ chồng anh T, chị N có 01 con chung là cháu Phí Hạo N, sinh ngày 28/9/2015; từ khi chị N bỏ nhà đi thì anh T là người trực tiếp nuôi cháu tại gia đình bà. Nếu vợ chồng anh T ly hôn và anh T được quyền nuôi con thì gia đình bà vẫn tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện cho bố con anh T về chỗ ở cũng như hỗ trợ trong việc trông nom, chăm sóc con cái.

- Bà Mai Thị R (bà ngoại chị N) khai: Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được khắc phục. Năm 2017 chị N bỏ nhà đi cho đến nay không có tin tức gì và đã bị Tòa án nhân dân huyện Kim Thành tuyên bố mất tích. Nay anh T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh T để đảm bảo quyền lợi của anh T.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị N và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn.

* Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, khoản 2 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Phí Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Về con chung: Giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phí Hạo N, sinh ngày 28/9/2015; thời điểm thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung tính từ tháng 9/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích tại huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 06/8/2021, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa,

Giấy triệu tập cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn đề nghị xử vắng mặt, Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phí Văn T và chị Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng anh T và chị N phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định vợ chồng không còn tình cảm và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn; mặt khác, từ năm 2017 chị N đã bỏ đi và năm 2021 bị Tòa án nhân dân huyện Kim Thành tuyên bố mất tích do vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phí Văn T về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Phí Hạo N, sinh ngày 28/9/2015. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu này thì thấy: Từ khi chị N bỏ đi thì anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con; anh có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Mặt khác chị N đã bị Tòa án nhân dân huyện Kim Thành tuyên bố mất tích. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập của con chung, cần giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ*: Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phí Văn T:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phí Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Xác định anh Phí Văn T và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là cháu Phí Hạo N, sinh ngày 28/9/2015. Giao con chung cho anh Phí Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

+ Về tài sản, nợ chung vợ chồng: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Anh Phí Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001746 ngày 29/4/2021. Anh T đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kim Thành.
- Chi cục THADS huyện Kim Thành.
- UBND xã B, huyện K.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa